

Bản án số: 77/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 4 - 2022
V/v: “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan

bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Gia Hưng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: ông Trần Gia Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021; về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; địa chỉ:, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Hồ Thị Minh T; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ (*Theo Giấy ủy quyền số: 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020 về việc khởi kiện các hồ sơ liên quan đến lĩnh vực Thẻ*); ông Trần Đức T, sinh năm 1984; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S (*Theo Giấy ủy quyền số: 1661/2020/UQ-TTT ngày 14/12/2020*), (Vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1961; nơi cư trú cuối cùng:, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, các lần làm việc tại Tòa án và các bản sao kê, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do bà Hồ Thị Minh T và ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày: ngày 14 tháng 5 năm 2008 bà Nguyễn Thị P có ký Hợp đồng sử

dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1,75%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà P phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 11.337.789 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 15/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 45.139.550 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2022, bà P còn nợ Ngân hàng là 218.017.919 đồng, trong đó nợ gốc 45.139.550 đồng, tiền lãi quá hạn là 172.878.369 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét buộc bà Nguyễn Thị P phải trả ngay cho Ngân hàng số nợ trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà P còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị P đến Tòa án tham gia tố tụng; nhưng bà P không đến, nên Tòa án không ghi được lời khai của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát không có kiến nghị về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Ngân hàng TMCP S đã ký kết Hợp đồng tín dụng với bà Nguyễn Thị P theo như nội dung vụ án đã trình bày, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp

đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày ngày 14 tháng 5 năm 2008 bà Nguyễn Thị P ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Do đó, có cơ sở xác định giữa bà P và Ngân hàng có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản như quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bà P không trả tiền vay nên Ngân hàng khởi kiện; quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà P có nơi cư trú cuối cùng tại quận Gò Vấp, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà P tới Tòa án để giải quyết vụ án. Do bà P không tới Tòa theo triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không ghi được lời khai của bà P và không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà P không tới tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2022 là 218.017.919 đồng, trong đó nợ gốc 45.139.550 đồng, tiền lãi quá hạn là 172.878.369 đồng.

Bà P còn phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng; việc thành lập, tổ chức, .. thì áp dụng theo quy định của Luật này”*, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận; Hội đồng xét xử xét lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật, nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử

chấp nhận.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ tính đến ngày 08 tháng 4 năm 2022 là 218.017.919 đồng, trong đó nợ gốc 45.139.550 đồng, tiền lãi quá hạn là 172.878.369 đồng, thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2022, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tại thời điểm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.900.896 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số tiền 4.897.490 đồng cho Ngân hàng TMCP S mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0028004 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 150, Điều 203, Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự số năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Áp dụng pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 218.017.919 đ (hai trăm mười tám triệu không trăm mười bảy ngàn chín trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc 45.139.550 đồng, tiền lãi quá hạn là 172.878.369 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2022, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền còn nợ tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.900.896 đ (mười triệu chín trăm ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại số 4.897.490 đ (bốn triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm chín mươi đồng) cho Ngân hàng TMCP S mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0028004 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn